

VIỆT NAM HỌC NHÌN TỪ LỊCH SỬ NGHIÊN CỨU TẠI ECOLES PRATIQUES DES HAUTES ÉTUDES (EPHE, PHÁP)

VIETNAMESE STUDIES FROM THE VIEW OF RESEARCH HISTORY AT ECOLES PRATIQUES DES HAUTES ÉTUDES (EPHE, FRANCE)

Cao Việt Anh*

EPHE đã kỷ niệm 150 năm hoạt động học thuật của mình vào năm 2018. Hành trình lịch sử của cơ quan nghiên cứu cao cấp về những khoa học liên quan chặt chẽ với con người chính là một chặng đường phát triển của nghiên cứu về Việt Nam đa diện trong tương quan khu vực và toàn cầu, nhấn mạnh một Việt Nam không biệt lập. EPHE được thành lập từ sắc lệnh được ban hành ngày 31 tháng 7 năm 1868 dưới triều đại Hoàng đế Napoléon Đệ Tam, bởi người xúc tiến thiết thực là chính trị gia - sử gia Victor Duruy (1811-1894) ở vị thế Bộ trưởng Bộ Giáo dục công của Pháp quốc. Trải qua 150 năm, EPHE đã tự miêu tả:

« 150 ans d'esprits novateurs, pratiques, agiles et ouverts sur le monde »

[150 năm với tinh thần sáng tạo, thiết thực, năng động và cởi mở trên toàn cầu].

Không tồn tại rào cản về tuổi tác, đẳng hạng, bằng cấp, quốc tịch, từ khi được thành lập, Cao học khảo cứu bao gồm bốn ban nghiên cứu: Ban I- Toán học; Ban II- Vật lý học và Hóa học; Ban III- Lịch sử thiên nhiên và Sinh học (sau được đổi tên thành Các khoa học về sự sống và trái đất); Ban IV- Khoa học lịch sử và Văn hiến. Năm 1886 là thời điểm ra đời Ban V- Các khoa học tôn giáo, một trong những hoạt động học thuật đưa tới sự kiện lịch sử quan trọng: đó là sự tách biệt Giáo hội với Chính phủ Pháp năm 1905. Sau Thế chiến II (1939-1945), các vấn đề xã hội không thể né tránh là nguyên nhân hàng đầu góp phần để Ban VI của EPHE được chào đời vào năm 1947 với tên gọi Ban Các khoa học kinh tế và xã hội; Ban này đã trở thành *École des hautes études en sciences sociales* (viết tắt: EHESS, Trường Cao học về Khoa học xã hội).

Vào thời điểm được kiến tạo, những nhà giáo của EPHE chính là những học giả đương nhiệm đến từ Đại học Sorbonne, Muséum National d'Histoire Naturelle [Bảo tàng Quốc gia về Lịch sử Thiên nhiên], École Normale Supérieure [Đại học Sư phạm Cao cấp] hoặc từ Collège de France [tạm hiểu là Viện Quốc học] - những tổ chức học thuật tinh tú hàng đầu trong lịch sử Pháp quốc. Trên nền tảng nhân lực xuất sắc, mỗi ban chuyên môn của EPHE ngay từ ban sơ đã xác định mình bạch: trở thành một hướng nghiên cứu khoa học nhân văn hoặc là một phòng thí nghiệm về khoa học thiên nhiên, ngõ hầu chuyên sâu từng lãnh vực đặc thù. Sinh viên của EPHE theo đó được tôi luyện nhiều kinh nghiệm và tham gia vào các nghiên cứu được dẫn dắt bởi giảng sư. Các thảo luận chuyên đề đóng vai trò trung tâm bởi

* Tiến sĩ, Viện Nghiên cứu Hán Nôm (thuộc Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam).

vì ở đó, vấn đề nghiên cứu đang trong quá trình được thực hiện. Không có sự lặp lại giờ giảng của năm này sang năm khác ở EPHE.

«Nên lãnh hội nghĩa của tên gọi *École pratique* với giá trị cao nhất, cũng như thấu hiểu rằng công việc của đôi mắt và đôi tay là thiết yếu trong các bài học để khẳng định và nghiên cứu những khái niệm tột đỉnh và tế vi nhất của tinh thần khoa học».

[Trích Sắc lệnh thành lập EPHE, 31/7/1868]¹

Trong hơn 150 hoạt động học thuật toàn cầu, đã có nhiều học giả của EPHE quan tâm tới Việt Nam ở những mức độ khác nhau: **Louis Finot** (1864-1935), chuyên gia về khảo cổ học Đông Dương, người kiến tạo nên Bảo tàng Quốc gia về Lịch sử Việt Nam hiện tại; **Henri Maspéro** (1883-1945) chuyên gia về lịch sử và văn tự Việt Nam học cũng như Hán học trong tinh thần so sánh văn minh toàn nhân loại; **Jean Przyluski** (1885-1944) chuyên về sử học và Phật giáo Á Đông bao gồm Việt Nam, từng là viên chức hành chính, giáo sư Việt văn và người phụ trách sự vụ bản địa của chính quyền Pháp ở Đông Dương; **Pierre Huard** (1901-1983), chuyên gia nghiên cứu về y học Việt Nam và nhiều nước Á Đông; **Nguyễn Thế Anh** (1936-nay) sử gia về Việt Nam và mối liên hệ với các quốc gia Đông Á cũng như thế giới; **Philippe Papin** (1967-nay) chuyên gia về lịch sử Việt Nam và văn khắc Hán Nôm Việt Nam. Tiếng nói và chữ viết Việt Nam, bao gồm văn tự Hán Nôm và Quốc ngữ của người Việt nằm trong sở trường ngôn ngữ - văn tự của các học giả EPHE này.

Trong số các học giả của EPHE, học giới và độc giả ở trong Việt Nam từ thời điểm 1975 trở lại đây được đọc và biết tới nhiều hơn đối với Louis Finot, Henri Maspéro, Pierre Huard và ít nhiều có Jean Przyluski. Trong thực tế, các sử gia Nguyễn Thế Anh và Philippe Papin (người kế nhiệm Giáo sư Nguyễn Thế Anh tại EPHE) đã và đang đặt dấu ấn sâu đậm trong nghiên cứu Việt học ở Pháp quốc nói riêng, trong cộng đồng học thuật thế giới nói chung.

Sử gia Nguyễn Thế Anh: sử Việt trên bản đồ sử học thế giới

Quê cha đất mẹ ở Đồng bằng Bắc Bộ (Việt Nam), Nguyễn Thế Anh chào đời tại Lào và có thời thơ ấu gắn bó với xứ Vạn Tượng và Thái Lan. Ông đã theo bậc tiểu học trong trường Pháp - Việt tại Vientiane (Lào) trong những năm 1942-1945, sau nhiều biến cố lịch sử học tới bậc trung học trong trường Chasseloup-Laubat (Sài Gòn). Năm 1956, ở tuổi hai mươi, học bổng du học Pháp về khảo cứu văn hóa xứ sở hình lục lăng đã khiến ông xích lại gần với khoa học lịch sử. Trong chương trình nghiên cứu và xuất bản theo chủ đề *Sự bành trướng Âu châu (1600-1870)* do Sử gia kinh tế người Pháp là **Frédéric Mauro** (1921-2001) chủ trì, Nguyễn Thế Anh là tác giả của *Bibliographie critique sur les relations entre le VietNam et l'Occident*² [Thư mục phê bình về các mối quan hệ giữa Việt Nam và phương Tây: sách và bài báo bằng ngôn ngữ Tây phương]. Một so sánh liên quan: từ nửa sau thế kỷ

¹ Theo “Livret historique 150 ans EPHE”, trong <https://www.ephe.fr/>, Bản dịch tiếng Việt của Việt Anh.

² Paris: G.P. Maisonneuve et Larose, 1967, 310 trang

XIX và một vài thập niên đầu thế kỷ XX, đã có những thư mục sách Hán Nôm Việt Nam và những thư mục về Việt Nam được học giả thuộc địa Pháp sưu tầm, biên soạn từ di sản văn hiến Việt Nam và thành tựu khảo cứu của người phương Tây, đáng kể là *Bibliographie annamite: livres, recueils périodiques, manuscrits, plans*³ [Thư mục Việt Nam: sách, tạp chí định kỳ, bản thảo, đồ hình] (1867) được chú thích là trích xuất từ *Revue maritime et coloniale* [Tạp chí biển và thuộc địa số tháng Hai, Ba, Tư năm 1866]; *Dictionnaire Bio-Bibliographie générale, ancienne et moderne de l'Indochine française*⁴ [Từ điển Thư mục Đông Dương: tổng thể, cổ và kim] (1935). Trong lịch sử thư mục tư liệu, *Bibliographie critique* 1967 của Giáo sư Nguyễn Thế Anh là dấu ấn kế tiếp truyền thống và cập nhật. Trong bối cảnh lịch sử những năm đầu thập niên 60 của thế kỷ XX, gồm cả lý do «sans les ouvrages ou articles d'historiens vietnamiens» [vắng những sách hoặc bài báo của các sử gia Việt Nam], phạm vi thực hiện của thư mục được xác định minh bạch là «Bibliographie des travaux européens sur les relations du Viêt-Nam avec l'Occident» [Thư mục những công trình Âu châu về quan hệ Việt Nam-phương Tây]. Nhân quan phân tích của nhà sử học được thể hiện bộc trực ngay trong đường hướng xây dựng thư mục:

«...le point de vue vietnamien manque jusqu'ici dans l'histoire des rapports entre le Viêt-Nam et l'Europe. Mais cette absence ne s'explique-t-elle pas par le fait que notre travail est une bibliographie d'ouvrages européens ? Il reste donc à voir ce que les Vietnamiens eux-mêmes ont pu ou pourront dire sur leurs relations avec l'Occident.»

[...quan điểm từ phía Việt Nam vắng bóng đến tận thời điểm này trong lịch sử các quan hệ Việt-Âu. Nhưng sự thiếu vắng này không có nghĩa rằng với việc đó, công trình của chúng ta [chỉ] là một thư mục những tác phẩm Âu châu? Vì lẽ đó còn phải chờ xem ở chính người Việt đã hoặc sẽ có thể bày tỏ về những quan hệ của họ với phương Tây. - V.A. dịch]

(Trích «Introduction» (1964) trong *Bibliographie critique*...]

Cần nhấn mạnh, giáo sư sử học Nguyễn Thế Anh từng có thể đi con đường khác, có thể trở thành sử gia chuyên về miền Nam nước Pháp, không phải sử Việt. Danh tính của ông đã gắn liền với một phần lịch sử của Béziers - thành phố miền Nam, được coi là cổ nhất ở Pháp: từ năm 1961, ông đã là soạn giả của *Essai de bibliographie critique de l'histoire de Béziers des origines au XIXe siècle* [Tiểu luận thư mục phê bình về lịch sử Béziers từ khởi nguồn tới thế kỷ XIX]⁵. Những khảo cứu của ông về lưu vực sông Adour ở miền Tây Nam nước Pháp cũng đã được công bố từ năm 1969⁶. Thế nhưng, sử Việt đã trở thành chủ đề lớn hơn cả trong thành tựu nghiên cứu của ông. Quan điểm không thiên lệch của nhà sử học đã được xác định

³ Barbie du Bocage, Paris: Challamel, Ainé, Librairie-Éditeur.

⁴ A. Brebion, Paris: Société d'Éditions géographiques. Maritimes et Coloniales.

⁵ Bản thảo hiện được lưu trữ và phục vụ tại thư viện đa phương tiện thành phố Béziers (Pháp).

⁶ Nguyễn Thế Anh (1969), “Evolution morphologique du bassin de l'Adour” [Diễn tiến địa mạo lưu vực sông Adour] (tr.11-19) và “L'évolution de la mise en valeur de la vallée de l'Adour” [Diễn tiến khai khẩn lưu vực sông Adour] (tr.73-87), “Les bases biogéographiques de l'aménagement de la haute vallée de l'Adour” [Nền tảng địa lý sinh học của quy hoạch vùng thượng lưu sông Adour], Trong Toulouse: CNRS.

ngay từ trong công trình đầu tay và luôn luôn được nghiêm cẩn duy trì trong suốt hành trình nghiên cứu sử học. Đây là lý do và cũng là kết quả của cách thức nghiên cứu mà Nguyễn Thế Anh duy trì: luôn luôn đặt Việt Nam cũng như các vấn đề lịch sử của Việt Nam trong bối cảnh khu vực và toàn cầu, không chấp nhận bất kỳ chi phối chính trị nào. Một trong những khảo cứu tiêu biểu là về khủng hoảng lương thực nghiêm trọng hồi thập niên 40 của thế kỷ XX ở Đông Dương và nạn đói khủng khiếp ở miền Bắc Việt Nam năm 1945, sự chi viện ân tình của nhân dân Nam Kỳ đối với đồng bào ngoài Bắc và cơ hội chính trị của Việt Minh để dẫn dắt quần chúng miền Bắc đã được phân tích và nhận định rành mạch: hãy đọc «Japanese Food Policies and the 1945 Great Famine in Indochina»⁷ [Chính sách lương thực của Nhật Bản và nạn đói lớn năm 1945 ở Đông Dương].

Sự lùi xa thế hệ để quan sát tầm vóc của sử gia Nguyễn Thế Anh có khả năng khiến độc giả cảm nhận sâu sắc hơn nữa nhiều điều nép sau các vấn đề đã được ông biện giải. Bút sử trung chính không che mờ mỗi thương cảm, trân trọng với Nguyễn Ánh, vị Hoàng đế khai cơ triều Nguyễn thế kỷ XIX, người yêu nước không quản bôn ba lưu vong vẫn luôn luôn bền chí khôi phục cơ nghiệp tiền nhân, kiến thiết sự nghiệp bản thân, trùng hưng cơ đồ dân tộc.

Cũng ngòi bút ấy tinh tế nhận ra tâm sự sâu xa của vua Khải Định về vị thế độc lập của quốc gia dưới gánh nặng đô hộ của chế độ thực dân Pháp và trong bối cảnh nội lực suy yếu toàn diện của nền quân chủ Việt Nam.

Số phận của các nước nhỏ như Việt Nam, Cambodge có vẻ như trở thành nguyên nhân đưa đẩy đường lối ngoại giao của họ: Cambodge trong quá khứ (thế kỷ XIX) cũng chọn cách “đi hai hàng”, ngoại giao *sòng fai fa* (đi giữa hai bờ ảo vọng) đối với Việt Nam và Thái Lan... Khi người ta cảm thấy có sức mạnh, điều tiết giới hạn của tham vọng lúc ở đỉnh cao quyền lực là việc rất khó: hiện tượng viện trợ quân sự - chính trị dẫn tới thôn tính giữa các quốc gia mạnh yếu khác nhau chưa từng là cá biệt. Điều này, trong lịch sử quan hệ Việt Nam - Cambodge, từng hơn một lần diễn ra.

Việt Nam từng có mối quan hệ trùng điệp với nhiều quốc gia, xứ sở, đối tác ngoài Trung Quốc.

Các biến chuyển của Việt Nam trong chặng dài hằng thế kỷ bao gồm sự tương tác nhiều dòng chảy: văn hóa, kinh tế, xã hội cùng với tác động từ nhiều phận người: dân thường - quan lại - vua chúa, người lao động - nhà trí thức,... Sử Việt không chỉ là các cuộc chiến tranh quân sự.

Các kết quả khảo cứu này đã được Giáo sư Philippe Papin tổ chức tập hợp lại trong ấn phẩm *Parcours d'un historien du Viet Nam: Recueil des articles écrits par Nguyễn Thế Anh*

⁷ *Parcours d'un historien du Viet Nam: Recueil des articles écrits par Nguyễn Thế Anh* [Hành trình của một sử gia về Việt Nam: Tuyển tập các bài viết của Nguyễn Thế Anh], Paris: Les Indes Savantes, 2008, tr.235-247.

[Hành trình của một sử gia về Việt Nam: Tuyển tập các bài viết của Nguyễn Thế Anh], Paris: Les Indes Savantes, 2008.

Nghiên cứu sử học của Giáo sư Nguyễn Thế Anh không chịu ảnh hưởng bởi sự khiên cưỡng của tư duy lưỡng cực: tốt - xấu, thiện - ác. Các nhân vật trong khảo cứu của ông, dù thuộc về lịch sử Việt Nam thời quân chủ hoặc lịch sử đảng phái ở Việt Nam đương đại, không bị tái tạo để trở thành hình tượng anh hùng, thần thánh, toàn mỹ hoặc đối lập. Khi tiểu sử một nhân vật được tái tạo với mục đích làm biểu trưng cho một tập thể, hoặc đại diện cho ý đồ của một số đông, tiểu sử ấy có xu hướng bị hư cấu hóa.

Sử học Nguyễn Thế Anh không dễ xảy ra điều đó. Nhân vật lịch sử, dù đang là hình tượng chuẩn mực được tôn vinh bởi hậu sinh, luôn luôn được nhìn nhận trong toàn cảnh đương thời, trong sự đối chiếu với nhiều nguồn sử liệu. Nhân vật, bởi vậy, dù tưởng đã quen thuộc, cố định tính cách trong cảm nhận của độc giả, thì cũng chính người đọc sẽ tiếp thu những nhận thức bất ngờ.

Giữ trọn vẹn danh tính Việt Nam trong các ấn phẩm sử học công bố với học giới quốc tế, Nguyễn Thế Anh ở cương vị Giám đốc nghiên cứu, phụ trách Laboratoire Péninsule Indochinoise, Peuples et États là trường hợp độc đáo trong lịch sử nghiên cứu của EPHE (Pháp). Đồng thời, với học giới sử Việt toàn cầu, tính cho đến khi ông về hưu (2005) với sự vinh danh là Giáo sư ưu tú của EPHE, một số chủ đề nghiên cứu mà ông đã thực hiện đã trở thành định hướng, cảm hứng cho nhiều thành tựu sử học sau đó:

- Nghiên cứu về những vấn đề của làng xã Việt Nam trong tương quan với tổng thể xã hội Việt Nam thời quân chủ-thuộc Pháp.
- Nghiên cứu về những vấn đề của quốc gia - lãnh thổ Việt Nam, bao gồm cả quá trình Nam tiến trong tương quan với lịch sử khu vực Đông Á, Đông Nam Á.
- Nghiên cứu về nhiều vấn đề chính trị - xã hội của Việt Nam thế kỷ XX với nhãn quan sử học, không thiên lệch bởi bất cứ quan điểm chính trị nào.
- Nghiên cứu về nhân vật Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh với nhãn quan sử học chính đáng, không bị lệ thuộc vào cảm tính cá nhân cũng như không bị thiên lệch bởi các đường hướng chính trị, các sức ép chính trị.
- Là sử gia người Việt hải ngoại có công đầu trong giai đoạn 1990-2005 gợi mở hướng nghiên cứu Việt học từ nguồn tài liệu châu bản (GS Yoshiharu Tsuboi là nhân chứng, có tài liệu ghi nhận).
- Là sử gia gốc Việt hải ngoại có công đầu trong giai đoạn này thu hút các nhà Việt học, Đông Nam Á học quốc tế chú trọng tới các nguồn tài liệu từ cổ xưa tới đương đại, bao gồm tài liệu Hán Nôm, trong nghiên cứu về Việt Nam.

Giáo sư sử học Nguyễn Thế Anh là một trường hợp tiêu biểu đáp ứng hệ tiêu chí học thuật đã được EPHE đề cao từ buổi kiến lập và không ngừng cập nhật theo thời đại. Danh mục trích yếu một số ấn phẩm đã công bố về Việt Nam học của các thế hệ học giả EPHE góp phần nhấn mạnh hệ tiêu chí ấy:

- Pierre Huard* (1953), *Lan Ong et la médecine Vietnamienne*.
(1977), *Les médecins en Asie*.
- Henri Maspéro* (1910), “Le protectorat général d’Annam sous les T’ang”, trong *Bulletin de l’Ecole française d’Extrême-Orient [BEFEO]*, 10 (1910), pp.539-584, 665-682.
(1911), “Contribution à l’étude du système phonétique des langues thaï”, *BEFEO*, 11 (1911), pp.153-169.
(1912), “Etudes sur la phonétique historique de la langue Annamite: les initiales”, *BEFEO*, 12.1 (1912), pp.1-127.
(1914), “Rapport sommaire sur une mission archéologique au Tchö-kiang”, *BEFEO*, 14.8 (1914), pp.1-75.
(1916), “Etudes d’histoire d’Annam”, *BEFEO*, 16.1 (1916), pp.1-55, et 18.3 (1918), pp.1-36.
- Nguyen The-Anh* (1961), *Essai de bibliographie critique de l’histoire de Béziers des origines au XIXe siècle*, Toulouse (chưa xuất bản).
(1967), *Bibliographie critique sur les relations entre le Vietnam et l’Occident (Ouvrages et articles en langues occidentales)*, Paris: G.P. Maisonneuve & Larose, 310 p.
(1990), *Le Dai Viet et ses voisins*, Paris: L’Harmattan, 115 p.
(1992), *Monarchie et fait colonial au Vietnam (1875-1925). Le crépuscule d’un ordre traditionnel*, Paris: L’Harmattan, 311 p.
(1999), *Commerce et navigation en Asie du Sud-Est (XIVe-XIXe siècle) - Trade and navigation in Southeast Asia (14th-19th centuries)* (đồng chủ biên với Yoshiaki Ishizawa), Paris: Sophia University - L’Harmattan.
(2008), *Parcours d’un historien du Vietnam. Recueil des articles écrits par Nguyen The Anh*, Paris: Les Indes Savantes.
(2008), *Phong trào kháng thuế ở miền Trung qua các châu bản triều Duy Tân*. Hà Nội: Văn học, 2008 (Tái bản từ bản in đầu, Sài Gòn: 1973).
(2009), *Vietnam, Un voyage dans son histoire*, Paris: Éditions La Frémillierie.
(2014), *Un vingtième siècle vietnamien*, Paris: Éditions La Frémillierie.

- (2015), *Việt Nam thời Pháp đô hộ*. Hà Nội: Khoa học xã hội (tái bản, Bản in đầu: Sài Gòn, 1970).
- (2016), *Kinh tế và xã hội Việt Nam dưới thời các vua triều Nguyễn. Thành phố Hồ Chí Minh*, 2016, 301 trang (tái bản, Lần in đầu tiên: Sài Gòn, 1968).
- Philippe Papin (2013), *Histoire des territoires de Hanoi – Quartiers, villages et sociétés urbaines du XIXe au début du XXe siècle*, Les Indes Savantes.
- (2010), *Lịch sử Hà Nội*, Hà Nội: Thế Giới - Nhã Nam, Bản dịch.
- (2003), *Việt-Nam, parcours d'une nation*, Belin.
- (2001), *Histoire de la ville de Hanoi*, Paris: Fayard.
- (2007-2012), *Thư mục văn khắc Hán Nôm Việt Nam - Catalogue des inscriptions du Việt-Nam*, Hà Nội: EPHE, EFEO và Viện Nghiên cứu Hán Nôm, 9 tập, Đồng chủ biên.
- (2005-2013), *Tổng tập văn khắc Hán Nôm Việt Nam - Corpus des inscriptions du Vietnam*, EPHE, EFEO et Institut Han-Nôm, 22 tập, Đồng chủ biên.
- (2010), *Vivre avec les Vietnamiens*, Paris: L'Archipel, Cùng với Laurent Passicousset.
- (2003), *Đồng Khánh địa dư chí - Géographie descriptive de l'empereur Đồng-Khánh*, EPHE, EFEO, Hà Nội: Thế Giới, 3 tập, Đồng chủ biên.
- (2002), *Làng ở vùng châu thổ sông Hồng: vấn đề còn bỏ ngỏ*, EFEO và Trung tâm Khoa học xã hội Việt Nam, Đồng chủ biên.
- (1995), *Sách chỉ dẫn các phong lưu trữ thời kỳ thuộc địa ở Trung tâm Lưu trữ I - Việt Nam - Guide des fonds d'archives d'époque coloniale conservées au Centre N°1 des Archives du Vietnam*, Hà Nội: KHXH, Đồng chủ biên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thế Anh (2008), *Parcours d'un historien du Viet Nam: Recueil des articles écrits par Nguyễn Thế Anh*, Paris: Les Indes Savantes.
2. Nguyễn Thế Anh (1969), *Les bases biogéographiques de l'aménagement de la haute vallée de l'Adour*, Toulouse: CNRS.
3. Nguyễn Thế Anh (1967), *Bibliographie critique sur les relations entre le Vietnam et l'Occident*, Paris: G.P. Maisonneuve & Larose.

4. Nguyễn Thế Anh (1961), *Essai de bibliographie critique de l'histoire de Béziers des origines au XIXe siècle*, Toulouse.
5. Brebion (1935), *Dictionnaire Bio-Bibliographie générale, ancienne et moderne de l'Indochine Française*, Paris: Société d'Éditions géographiques, Maritimes et Coloniales.
6. Barbie du Bocage (1867), *Bibliographie Annamite: livres, recueils périodiques, manuscrits, plans*, Paris: Challamel, Aîné, Librairie-Éditeur.

Website:

7. <https://www.ephe.fr/>